

Bản án số: 320/2018/KDTM-ST  
Ngày: 13-11-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Hoàng Hạnh

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 13-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2012/TLST-KDTM ngày 19-4-2012 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4573/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12-9-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5145/2018/QĐST-KDTM ngày 11-10-2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Hợp tác xã Vận tải S

Địa chỉ trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1992, địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 18-15/UQ-HTX9 ngày 14-3-2018)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1983, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần Nước giải khát C

Địa chỉ trụ sở: Đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Trần Thị O, sinh năm 1995, địa chỉ: Đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27-9-2018)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Đinh Thị Quỳnh N, sinh năm 1978, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thụy Trúc M, sinh năm 1974

Địa chỉ: Đường O, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971

Địa chỉ thường trú: Đường R, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường U, Phường V, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

*- Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Ngô Quang V, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp M1, xã N1, huyện O1, tỉnh P1

3. Ông Ngô Quang S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Q1, xã R1, huyện X1, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đường D1, Phường E1, Quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Ông Phan Văn N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Đường H1, Phường I1, Quận K1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường L1, Phường M1, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2012, nguyên đơn là Hợp tác xã Vận tải S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Ngọc N đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty Cổ phần Nước giải khát C có ký hai hợp đồng vận chuyển số 02/2008/HĐVC-CD và số 03/2008/HĐVC-CD ngày 01-9-2008, các phụ lục hợp đồng vận chuyển để vận chuyển sản phẩm nước giải khát cho các chi nhánh và khách hàng của bị đơn.

Tuy nhiên, vào tháng 6-2010, bị đơn phát hiện bị thất thoát 1.700.000.000 đồng tiền hàng và quy trách nhiệm cho nguyên đơn đã giao sai địa chỉ 28 hóa đơn bán hàng gây nên hậu quả trên. Hai bên đã tiến hành nhiều cuộc họp để tìm cách giải quyết, bị đơn tạm ngưng thanh toán cước vận chuyển tháng 3, 4, 5-2010 cho nguyên đơn.

Ngày 15-8-2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời việc giao hàng sai địa chỉ gây thất thoát tiền hàng là lỗi của bị đơn, không phải lỗi của nguyên đơn, thuộc trách nhiệm nhân viên bán hàng của bị đơn

nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tiền cước vận chuyển cho nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ (theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012); 300.000.000 đồng tiền ký quỹ và 1.357.908.927 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 31-8-2018 theo lãi suất 9%/năm. Tổng cộng là 2.739.296.551 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không chấp nhận do những bằng kê tổng hợp các hoá đơn đến năm 2012 bị đơn mới lập trong khi đó các hoá đơn đều trong thời gian 2009-2010. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã giao hàng không đúng địa chỉ và người nhận đối với khối lượng hàng hoá có giá trị 1.523.812.400 đồng và yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường khoản tiền này là không có cơ sở. Số tiền này bà Lê Thụy Trúc M và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu trách nhiệm, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bà Mai và bà Tuyền cũng đã cam kết sẽ trả số tiền thiệt hại này cho bị đơn. Nguyên đơn không phải là người gây thiệt hại cho bị đơn vì vậy nguyên đơn không đồng ý bồi thường.

- Bà Trần Thị O là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Nước giải khát C không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày:

Trong năm 2009 và 2010, nguyên đơn đã vận chuyển giao hàng không đúng địa chỉ (khách hàng xác nhận không có nhận hàng) theo thống kê của bị đơn tổng cộng là 108 hoá đơn tương đương với cước phí vận chuyển mà bị đơn phải trả là 68.046.520 đồng (tính thuế giá trị gia tăng là 74.851.172 đồng), bị đơn đã thanh toán 42.287.410 đồng (có thuế giá trị gia tăng).

Khi xảy ra sự việc bị đơn có yêu cầu nguyên đơn cản trừ 35 hoá đơn vận chuyển sai địa chỉ, nguyên đơn đồng ý trừ cho bị đơn 20.210.700 đồng và đã loại một số hoá đơn ra khỏi bảng kê tính tiền vận chuyển. Như vậy, số tiền cước phí vận chuyển bị đơn còn lại là  $1.081.387.624 - ((68.046.520 - 20.210.700) + (68.046.520 - 20.210.700) \times 10\%) = 1.028.768.222$  đồng.

Ngoài ra trong năm 2009 và 2010, bị đơn đã xuất 38.443.100 đồng (tính cả thuế 42.287.410 đồng) tiền cước phí vận chuyển bị đơn trả cho nguyên đơn của những hoá đơn vận chuyển sai địa chỉ trên. Do vậy nguyên đơn còn phải trả cho bị đơn số tiền này.

Như vậy, số tiền cước vận chuyển cuối cùng mà bị đơn còn chưa thanh toán là:  $1.028.768.222 \text{ đồng} - 42.287.410 \text{ đồng} + 300.000.000 \text{ đồng} = 1.286.480.412 \text{ đồng}$ .

Mặt khác, do nguyên đơn giao hàng không đúng địa chỉ và người nhận dẫn đến mất hàng hoá của bị đơn trị giá 1.523.812.400 đồng, nguyên đơn đã phủ nhận trách nhiệm vì nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không lập lệnh điều xe (trong khi tiền cước hiện bị đơn chưa thanh toán cũng vì không có lệnh điều xe như vậy), cụ thể:

+ Giá trị 23 hoá đơn mà người nhận là hợp tác xã Coop Mart, trị giá tiền

hàng: 1.444.394.600 đồng.

+ Giá trị 02 hoá đơn mà người nhận là công ty A, trị giá tiền hàng là 79.417.800 đồng.

Tổng cộng giá trị tiền hàng bị mất không thu hồi được mà bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi thường là 1.523.812.400 đồng.

Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường 1.523.812.400 đồng tiền hàng bị mất, căn trừ số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn thì nguyên đơn còn phải bồi thường cho bị đơn: 1.523.812.400 đồng - 1.286.480.412 đồng = 237.331.988 đồng.

- Bà Lê Thụy Trúc M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại Bản khai ngày 25-12-2012 và ngày 21-5-2014:

Nhiệm vụ của bà là chăm sóc quầy kệ tại siêu thị, nhận đơn đặt hàng tại siêu thị, mail, điện thoại và fax. Sau khi nhận đơn đặt hàng, bà làm đơn đặt hàng (theo mẫu của bị đơn) và gửi lên phòng HCBH kiểm soát ra hóa đơn là xong, phần còn lại bà không biết.

Trong thời gian còn đang điều tra có cuộc họp giữa bị đơn, Công an điều tra, bà và bà Nguyễn Thị Kim T, phía công an có yêu cầu bà cùng chia sẻ trách nhiệm số hàng đã mất, bà có làm bằng cam kết hứa chia sẻ trách nhiệm  $\frac{1}{4}$  số tiền hàng. Đến tháng 3-2012, Trưởng phòng Hành chính nhân sự điện thoại báo bà đi làm lại cho đến nay không có họp hội đồng kỷ luật cũng không nói gì đến việc chia sẻ trách nhiệm số tiền hàng, chưa trừ lương của bà tháng nào.

Trong quá trình làm việc, do áp lực sản lượng quá lớn và một phần xin hủy hóa đơn không được, bà có bán hàng bên ngoài cho bà Tuyền. Bà Tuyền báo làm hóa đơn chuyển xuống điều vận là được, sẽ chuyển tiền qua tài khoản hoặc đưa tiền mặt. Bà bán bao nhiêu thu tiền bấy nhiêu và đóng tiền cho bị đơn (đều có bằng kê chi tiết).

Trong 23 hóa đơn mà người nhận là Hợp tác xã CoopMart, bà làm đơn đặt hàng theo trình tự, phần còn lại hàng giao đâu bà không biết. Hai hóa đơn người nhận là Công ty A, bà không quản lý siêu thị này.

Bà đề nghị Tòa án cho phép bà vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án: hòa giải, đối chất, xét xử...

- Người làm chứng:

Ông Đặng Ngọc T trình bày tại Bản tự khai ngày 20-01-2016: Năm 2010, ông được bố trí vận chuyển hàng hóa cho bị đơn. Khoảng tháng 4 và tháng 5-2010, ông có nhận bộ hóa đơn, chứng từ để vận chuyển giao hàng cho Coopmart Sài Gòn tại Khu công nghiệp Sóng Thần – Bình Dương, nhưng bà Lê Thụy Trúc M – nhân viên bán hàng của bị đơn chỉ đạo giao hàng cho bà Nguyễn Thị Kim T ở Số 138B Đường 79, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, mọi việc khác cứ để bà Mai lo liệu. Vì nghĩ đơn giản là giao hàng ở địa chỉ gần hơn để hưởng tiền chênh lệch do tỷ lệ chiều dài chặng đường, tiền xăng dầu nên ông đã

đồng ý và thực hiện theo chỉ đạo của bà Mai. Khi giao hàng cho bà Tuyền, vì biết đây là hàng của bà Mai nên không yêu cầu bà Tuyền ký nhận trên hóa đơn, cũng không giao lại liên đồ hóa đơn mà khi về đến công ty thì chuyển lại hết cho bà Mai. Việc thanh toán tiền mua hàng là do bà Mai và bà Tuyền thỏa thuận thực hiện, ông không biết và cũng không nhận được bất cứ khoản tiền thanh toán nào của bà Tuyền. Việc vận chuyển này do bà Mai chỉ đạo trực tiếp chứ không thông qua điều phối viên của nguyên đơn. Ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án trong vụ việc này.

Ông Nguyễn Văn P trình bày tại Bản khai ngày 06-01-2014 và ngày 19-01-2016: Khoảng tháng 3 và tháng 4-2010, ông có vận chuyển một số đơn đặt hàng của Coopmart Sài Gòn và Công ty A. Trong đó có những đơn hàng giao cho Sài Gòn Coop ghi giao hàng ở Số 199-205 đường Nguyễn Thái Học, Quận 1 nhưng ông lại giao sai địa chỉ qua Quận 7 cho bà Tuyền. Việc ông giao hàng sai địa chỉ do có sự yêu cầu của bà Mai, nhân viên của bị đơn lúc đó đang làm việc ở bộ phận nhận đơn đặt hàng của Sài Gòn Coop. Việc bà Mai yêu cầu ông giao hàng sai địa chỉ là do bà Mai và bà Tuyền có mua bán hàng hóa qua lại với nhau. Vì lúc đó ông chỉ suy nghĩ đơn giản là giao hàng gần mà hưởng tiền cước vận chuyển xa (vì trên đầu hóa đơn có ghi giao hàng ở Sóng Thần – Bình Dương), nhưng thực tế ông giao hàng ở Quận 7. Riêng hóa đơn Công ty A là do ông Tiến, lúc đó cũng là nhân viên của bị đơn. Và việc ông Tiến bán hàng cho bà Tuyền như thế nào ông không biết. Ông chỉ vận chuyển gần mà hưởng giá cước vận chuyển xa mà thôi. Còn chuyện tiền hàng hay ai ký nhận hàng trên hóa đơn thì ông hoàn toàn không biết. Và khi ông giao hàng xong xuôi thì ông có đem toàn bộ hóa đơn chứng từ giao lại cho bà Mai, ông Tiến. Trong những đơn hàng giao sai địa chỉ đó, có những đơn hàng ông mua lại của bà Mai để bán cho bà Tuyền hưởng chênh lệch. Những đơn hàng đó ông đã thu tiền đầy đủ và mang về nộp cho bà Mai, có khi là gửi ở phòng thủ quỹ do bà Mai yêu cầu, có khi là chú Sơn (lúc đó cũng là nhân viên của bị đơn). Những đơn hàng ông mua lại của bà Mai, chú Sơn, ông đã đóng tiền đầy đủ theo hóa đơn chứng từ đó và không thiếu tiền đơn hàng nào. Ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử.

Ông Ngô Quang S trình bày tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12-9-2018: Ông giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra, vụ án này không liên quan gì đến ông. Ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Bà Nguyễn Thị Kim T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa,

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ (theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012);

300.000.000 đồng tiền ký quỹ và 1.585.157.101 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 31-10-2018, cụ thể: Hóa đơn số 21561: Tiền lãi từ ngày 01 đến ngày 15-7-2010 theo lãi suất 0,5%/năm, từ ngày 16-7-2010 đến ngày 31-10-2018 theo lãi suất 13,5%/năm; Hóa đơn số 24199: Tiền lãi từ ngày 01 đến ngày 15-9-2010 theo lãi suất 0,5%/năm, từ ngày 16-9-2010 đến ngày 31-10-2018 theo lãi suất 13,5%/năm; Tiền lãi của số tiền ký quỹ từ ngày 01-3-2008 đến ngày 31-8-2009 theo lãi suất 0,5%/năm, từ ngày 01-9-2009 đến ngày 31-10-2018 theo lãi suất 13,5%/năm. Tổng cộng là 2.966.544.725 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không chấp nhận.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý thanh toán 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ với điều kiện là nguyên đơn phải giao cho bị đơn đầy đủ hồ sơ thanh toán, cụ thể là lệnh điều xe. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cân trừ 42.287.410 đồng và 20.210.700 đồng vào số tiền 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ. Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi thường là 1.523.812.400 đồng của 23 hoá đơn mà người nhận là hợp tác xã Coop Mart và 02 hoá đơn mà người nhận là công ty A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vận chuyển với bị đơn là Công ty Cổ phần Nước giải khát C có trụ sở chính tại Đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự xuất trình như: Hợp đồng vận chuyển số 02/2008/HĐVC-CD và số 03/2008/HĐVC-CD ngày 01-9-2008; Phụ lục hợp đồng vận chuyển số 09/PL-HĐVC-CD ngày 01-3-2008, số 10/2009/PL-HĐVC-CD và số 11/2009/PL-HĐVC-CD ngày 01-9-2009, số 42/2009/PL-HĐVC-CD và số 42B/2009/PL-HĐCN-CD ngày 02-01-2010, số 12/2009/PL-HĐCN-CD và số 13/2009/PL-HĐVC-CD ngày 01-4-2010, số 14/2010/PL-HĐVC-CD và số 15/2010/PL-HĐCN-CD ngày 02-5-2010; Phiếu thu số 327 ngày 11-4-2007 và số 460 ngày 30-5-2007, các phiếu kiểm soát vận chuyển... có cơ sở xác định: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết và thực hiện Hợp đồng vận chuyển số 02/2008/HĐVC-CD và số 03/2008/HĐVC-CD ngày 01-9-2008.

[5] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012 và 300.000.000 đồng tiền ký quỹ:

[6] Theo Hóa đơn GTGT số 021561 ngày 24-5-2010, tiền cước vận chuyển là 636.315.636 đồng, bị đơn đã thanh toán 532.664.626 đồng, còn nợ lại 103.651.010 đồng và theo Hóa đơn GTGT số 023426 ngày 14-7-2010, Biên bản hủy hóa đơn ngày 26-7-2010, Hóa đơn GTGT số 024199 ngày 30-7-2010, bị đơn còn nợ nguyên đơn 977.736.614 đồng tiền cước vận chuyển. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012, bị đơn xác nhận đến hết ngày 31-12-2011 còn nợ nguyên đơn các khoản: 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển; 300.000.000 đồng tiền ký quỹ và 18.750.000 đồng tiền lãi của tiền ký quỹ, tổng cộng là 1.400.137.624 đồng.

[7] Trong đơn phản tố đề ngày 28-12-2012 và tại Tòa, bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển; 300.000.000 đồng tiền ký quỹ, tuy nhiên, bị đơn có yêu cầu nguyên đơn căn trừ 35 hoá đơn vận chuyển sai địa chỉ, nguyên đơn đã đồng ý trừ cho bị đơn 20.210.700 đồng và đã loại một số hoá đơn ra khỏi bảng kê tính tiền vận chuyển của nguyên đơn nên số tiền cước phí vận chuyển bị đơn còn nợ là  $1.081.387.624 - ((68.046.520 - 20.210.700) + (68.046.520 - 20.210.700) \times 10\%) = 1.028.768.222$  đồng. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng trong Công văn số 10-245/CV-HTX9 ngày 26-7-2010 về việc phản hồi công văn số 305 ngày 23-7-2010 và đề nghị thanh toán CVC tháng 4, 5-2010, nguyên đơn đồng ý trừ cho bị đơn 20.210.700 đồng, tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận. Xét thấy, theo nội dung Công văn số 10-245/CV-HTX9 ngày 26-7-2010, nguyên đơn đồng ý tạm hoãn thanh toán tổng số tiền là 20.210.700 đồng; nguyên đơn đồng ý cùng bị đơn lập biên bản hủy Hóa đơn GTGT số 023426 ngày 14-7-2010 giá trị 979.581.974 đồng thay bằng Hóa đơn GTGT số 024199 ngày 30-7-2010 sau khi trừ tổng số tiền là 20.210.700 đồng, giá trị thanh toán là 977.736.614 đồng. Theo Biên bản hủy hóa đơn ngày 26-7-2010 và Hóa đơn GTGT số 024199 ngày 30-7-2010 thể hiện nguyên đơn chỉ đồng ý cho bị đơn tạm hoãn thanh toán 20.210.700 đồng và số tiền cước vận chuyển của Hóa đơn GTGT số 024199 ngày 30-7-2010 không bao gồm số tiền 20.210.700 đồng nên

yêu cầu của bị đơn về việc trừ 20.210.700 đồng này vào 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Ngoài ra, bị đơn trình bày trong năm 2009 và 2010, nguyên đơn đã vận chuyển giao hàng không đúng địa chỉ (khách hàng không xác nhận có nhận hàng) theo thống kê của bị đơn tổng cộng là 108 hóa đơn tương đương với cước phí vận chuyển mà bị đơn phải trả là 74.851.172 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), nhưng với số tiền cước vận chuyển sai này, bị đơn đã phải thanh toán 42.287.410 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) nên nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn số tiền này, tuy nhiên bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Mặt khác, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng theo Văn bản số 10/CV-CD ngày 22-9-2010 có ghi tổng số tiền thanh toán 1.081.387.624 đồng hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ chứng từ nên bị đơn tạm thời chưa thanh toán cho đến khi có kết luận của cơ quan thẩm quyền và hai bên hoàn tất chứng từ thanh toán, do nguyên đơn chưa cung cấp đủ hồ sơ thanh toán mà cụ thể là lệnh điều xe thì không phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn cũng như không phát sinh tiền lãi do chậm thanh toán. Nguyên đơn cho rằng theo Biên bản làm việc số 224/BB-CD ngày 05-01-2012, Văn bản số 79/CV-CD ngày 17-02-2012 của bị đơn và Biên bản thanh lý ngày 25-7-2018 giữa hai bên thì Tổng Giám đốc của bị đơn xác nhận tổng chi phí cước vận chuyển mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.081.387.624 đồng và 300.000.000 đồng tiền ký quỹ và yêu cầu nguyên đơn chấp nhận chờ kết quả giải quyết của cơ quan điều tra bị đơn sẽ thanh toán tiền vận chuyển cho nguyên đơn, văn bản này sau ngày Văn bản số 10/CV-CD ngày 22-9-2010, nội dung văn bản không yêu cầu nguyên đơn bổ sung hồ sơ thanh toán.

[10] Căn cứ quy định tại Điều 535, Điều 538 của Bộ luật Dân sự năm 2005, bên thuê vận chuyển phải thanh toán đủ cước phí vận chuyển sau khi tài sản được chuyển lên phương tiện vận chuyển, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012 và 300.000.000 đồng tiền ký quỹ là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[11] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.585.157.101 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 31-10-2018:

[12] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01-6-2010 đến ngày 15-3-2012, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi đến ngày 31-10-2018 là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu tính tiền lãi tiếp tục phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2018, theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì tiền lãi của số tiền chậm trả là nghĩa vụ của bị đơn khi chậm trả tiền nên không xem là vượt

quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn.

[13] Theo Văn bản số 260/PĐ/TB/TĐ-KHKD ngày 17-4-2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô; Văn bản số 6460/CV.HCM-TH ngày 23-9-2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 4151/CNPHCM-KHTH ngày 11-10-2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 13,15%/năm.

[14] Lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam là 0,1%/năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 0,1%/năm; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 0,2%/năm, nên lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại thời điểm thanh toán là 0,13%/năm.

[15] Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán 13,5%/năm và lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn 0,5%/năm cao hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn tại thời điểm thanh toán nên cần điều chỉnh lại lãi suất.

[16] Theo khoản 6 Điều 4 và điểm b khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng vận chuyển số 02/2008/HĐVC-CD và số 03/2008/HĐVC-CD ngày 01-9-2008, hai bên thỏa thuận bị đơn thanh toán cước phí cho nguyên đơn trong thời hạn 10 ngày (tính từ ngày ghi trên hóa đơn GTGT của nguyên đơn) sau khi hai bên đã thực hiện xong việc kiểm tra hồ sơ thanh toán, trong trường hợp thanh toán chậm trễ so với quy định, bị đơn sẽ chịu phạt theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn cho số ngày chậm thanh toán, nhưng tối đa không quá 15 ngày. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày hai bên có thỏa thuận bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn trong thời hạn 01 tháng nên nguyên đơn bắt đầu tính lãi từ ngày 01-7-2010 đối với hóa đơn số 021561 và từ ngày 01-9-2010 đối với hóa đơn số 24199 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[17] Tiền lãi của số tiền cước vận chuyển còn nợ của Hóa đơn số 021561 ngày 24-5-2010 (từ ngày 01-7-2010 đến ngày 31-10-2018) là  $103.651.010 \text{ đồng} \times 0,13\%/\text{năm} : 360 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} + 103.651.010 \text{ đồng} \times 13,15\%/\text{năm} : 360 \text{ ngày} \times 3.030 \text{ ngày} = 114.725.689 \text{ đồng}$ ; Tiền lãi của số tiền cước vận chuyển còn nợ của Hóa đơn số 024199 ngày 30-7-2010 (từ ngày 01-9-2010 đến ngày 31-10-2018) là  $977.736.614 \text{ đồng} \times 0,13\%/\text{năm} : 360 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} + 977.736.614 \text{ đồng} \times 13,15\%/\text{năm} : 360 \text{ ngày} \times 2.968 \text{ ngày} = 1.060.060.679 \text{ đồng}$ . Tổng cộng tiền lãi là 1.174.786.367 đồng.

[18] Theo điểm c khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng vận chuyển số 02/2008/HĐVC-CD và số 03/2008/HĐVC-CD ngày 01-9-2008, hai bên thỏa

thuận trả tiền lãi cho số tiền ký quỹ của nguyên đơn theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của ngân hàng (Kể từ ngày 01-3-2008, tiền lãi phát sinh từ tiền ký quỹ sẽ được chi trả làm 03 tháng một lần).

[19] Tại Bản tự khai ngày 27-9-2012, bị đơn xác nhận 300.000.000 đồng là tiền ký quỹ, bị đơn sẽ phải trả lãi theo lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm thanh toán và ngày tính lãi là ngày 01-01-2010, đợt trả lãi cuối đến ngày 31-12-2009, bị đơn đã thực hiện bằng UNC số 670 ngày 05-4-2010; đồng thời theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 18.750.000 đồng tiền lãi của số tiền ký quỹ. Do đó, tiền lãi của số tiền ký quỹ từ ngày 01-01-2012 đến ngày 31-10-2018 là  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,13\%/\text{năm} : 360 \times 2.496 \text{ ngày} = 2.704.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng là  $18.750.000 \text{ đồng} + 2.704.000 \text{ đồng} = 21.454.000 \text{ đồng}$ .

[20] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu nguyên đơn bồi thường 1.523.812.400 đồng, gồm: 1.444.394.600 đồng tiền hàng của 23 hoá đơn mà người nhận là hợp tác xã Coop Mart và 79.417.800 đồng tiền hàng của 02 hoá đơn mà người nhận là công ty A do nguyên đơn giao hàng không đúng địa chỉ và người nhận dẫn đến mất hàng hoá của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[21] Tại Tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng thừa nhận đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì bị đơn hoàn toàn bất lợi nhưng vì rõ ràng đã có một lượng hàng hóa thất thoát nên bị đơn vẫn yêu cầu phản tố vì hàng không thể ra khỏi kho của bị đơn nếu chỉ bằng sai phạm của bà Mai, mà thực tế hàng ra khỏi kho của bị đơn bằng xe của nguyên đơn. Chính vì vậy, đến thời điểm này, bị đơn vẫn yêu cầu nguyên đơn bồi thường trước mà không yêu cầu bà Mai, bà Tuyên bồi thường.

[22] Xét thấy, tại toà các bên đều thừa nhận quy trình bán hàng không thu tiền liền như sau: Căn cứ vào đơn đặt hàng, nhân viên bán hàng của bị đơn lập đơn đặt hàng chuyển cho phòng hành chính bán hàng đối chiếu công nợ và ra hóa đơn bán hàng (GTGT) rồi chuyển sang phòng kế toán để trình ký trả chậm; Phòng kế toán duyệt trả chậm xong, nhân viên bán hàng làm các thủ tục còn lại để chuyển xuống bộ phận điều vận; Bộ phận điều vận căn cứ vào đơn hàng, địa điểm giao hàng trên hóa đơn cử tài xế đi giao hàng; Tài xế sau khi nhận được bộ chứng từ sẽ đến phòng kho để ký nhận và đi giao hàng.

[23] Xét thấy, theo Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 416-01 ngày 08-8-2011, Văn bản số 4020/CV-PC46(Đ8) ngày 08-8-2011 và số 1919/CV(PC46-Đ8) ngày 15-8-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì trong thời gian từ tháng 3-2010 đến tháng 5-2010, bà Lê Thụy Trúc M là nhân viên bán hàng được bị đơn giao phụ trách kênh siêu thị Coopmart Sài Gòn đã 28 lần làm các thủ tục để bị đơn ký 28 hóa đơn GTGT ghi xuất bán nước ngọt cho Coopmart Sài Gòn, giao hàng tại Khu Công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương nhưng các tài xế của nguyên đơn đã nhận hóa đơn rồi đến kho để nhận hàng, sau đó giao cho bà Nguyễn Thị Kim T tại Số 138B Đường 79, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để hưởng phần

tiền vận chuyển chênh lệch và làm theo chỉ đạo của bà Mai. Trong đó đã thu hồi được 309.207.000 đồng còn lại giá trị hàng bị thất thoát 1.444.394.600 đồng chưa thu hồi được. Theo Kết luận Kiểm tra vụ việc do Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án hình sự số 44/VKS-P1 ngày 11-10-2011 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền hàng thất thoát của bị đơn là 1.444.394.600 đồng, hiện tại Tuyên và Mai đã cam kết trả nợ mỗi người  $\frac{1}{2}$  số tiền cho bị đơn; Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 416-01 ngày 08-8-2011 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[24] Đối với 02 hóa đơn mà người nhận là Công ty A thì bà Mai khai không quản lý kênh phân phối này.

[25] Từ những nhận định trên, việc xảy ra thất thoát hàng hóa không phải do lỗi của nguyên đơn nên căn cứ theo khoản 5 Điều 539 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, yêu cầu này của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[26] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu về tiền lãi không được Tòa án chấp nhận (1.585.157.101 đồng - 1.174.786.367 đồng - 21.454.000 đồng = 388.916.734 đồng) là 19.445.837 đồng; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.552.560 đồng tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và 57.714.372 đồng đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[27] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 535, Điều 538, khoản 5 Điều 539 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 306 của Luật Thương mại; khoản 4 và khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Vận tải S

Buộc Công ty Cổ phần Nước giải khát C có nghĩa vụ thanh toán cho Hợp tác xã Vận tải S các khoản sau:

- 1.081.387.624 đồng tiền cước vận chuyển còn nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04-01-2012 và 1.174.786.367 đồng tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2018.

- 300.000.000 đồng tiền ký quỹ và 21.454.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 31-10-2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Nước giải khát C về việc yêu cầu Hợp tác xã Vận tải S bồi thường 1.523.812.400 đồng tiền hàng bị mất do Hợp tác xã Vận tải S giao hàng không đúng địa chỉ và người nhận.

3. Về án phí sơ thẩm: Hợp tác xã Vận tải S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.445.837 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.249.329 đồng theo biên lai số AD/2010/06949 ngày 19-4-2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp tác xã Vận tải S được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 8.803.492 đồng.

Công ty Cổ phần Nước giải khát C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 141.266.932 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.857.186 đồng theo biên lai số AD/2011/06956 ngày 04-6-2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Nước giải khát C còn phải nộp 112.409.746 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Quỳnh Trâm**

